

Phụ lục II
CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC CẤP HUYỆN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn

STT	Tên vị trí việc làm	Mã vị trí việc làm
A	Vị trí việc làm đại biểu dân cử HĐND cấp huyện	
1	Chủ tịch HĐND cấp huyện	LĐQL.01
2	Phó Chủ tịch HĐND cấp huyện	LĐQL.02
3	Trưởng ban thuộc HĐND cấp huyện	LĐQL.03
4	Phó Trưởng ban thuộc HĐND cấp huyện	LĐQL.04
B	Vị trí việc làm đại biểu dân cử UBND cấp huyện	
5	Chủ tịch UBND cấp huyện	LĐQL.05
6	Phó Chủ tịch UBND cấp huyện	LĐQL.06
C	Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý	
7	Trưởng phòng	LĐQL.07
8	Chánh Văn phòng HĐND và UBND	LĐQL.08
9	Chánh Thanh tra	LĐQL.09
10	Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND	LĐQL.10
11	Phó Trưởng phòng	LĐQL.11
12	Phó Chánh Thanh tra	LĐQL.12

D. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
I	Lĩnh vực Văn phòng	
1.	Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành	Chuyên viên
2.	Chuyên viên về thư ký – biên tập	Chuyên viên
3.	Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính	Chuyên viên

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
4.	Chuyên viên về quản lý thông tin lãnh đạo	Chuyên viên
5.	Chuyên viên ngoại giao nhà nước	Chuyên viên
6.	Chuyên viên về biên giới lãnh thổ	Chuyên viên
7.	Chuyên viên về kiểm soát bệnh tật	Chuyên viên
8.	Chuyên viên về dược	Chuyên viên
9.	Chuyên viên về quản lý khám, chữa bệnh	Chuyên viên
10.	Chuyên viên về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em	Chuyên viên
11.	Chuyên viên về an toàn thực phẩm	Chuyên viên
12.	Chuyên viên về dân số	Chuyên viên
II	Lĩnh vực Nội vụ	
13.	Chuyên viên về tổ chức bộ máy (<i>gồm: tổ chức hành chính, sự nghiệp nhà nước; chính quyền địa phương; tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ</i>)	Chuyên viên
14.	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực (<i>gồm: quản lý cán bộ, công chức, viên chức và công vụ; quản lý biên chế; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; chính sách tiền lương; công tác dân chủ, dân vận; công tác thanh niên; công tác cán bộ nữ,... và các nội dung khác liên quan đến quản lý nguồn nhân lực</i>)	Chuyên viên
15.	Chuyên viên về địa giới hành chính	Chuyên viên
16.	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên
17.	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên
18.	Chuyên viên về quản lý tín ngưỡng, tôn giáo	Chuyên viên
19.	Chuyên viên về quản lý văn thư, lưu trữ	Chuyên viên
III	Lĩnh vực Tư pháp	
20.	Chuyên viên về xây dựng pháp luật	Chuyên viên

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
21.	Chuyên viên về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Chuyên viên
22.	Chuyên viên về quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	Chuyên viên
23.	Chuyên viên về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở và tiếp cận pháp luật	Chuyên viên
24.	Chuyên viên về hành chính tư pháp	Chuyên viên
IV	Lĩnh vực Văn hóa và Thông tin	
25.	Chuyên viên về di sản quản lý văn hóa	Chuyên viên
26.	Chuyên viên về quản lý văn hóa cơ sở (bao gồm Quản lý thư viện và Quản lý văn hóa dân tộc)	Chuyên viên
27.	Chuyên viên về quản lý lĩnh vực gia đình	Chuyên viên
28.	Chuyên viên về quản lý thể dục thể thao cho mọi người	Chuyên viên
29.	Chuyên viên về quản lý thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp	Chuyên viên
30.	Chuyên viên về quản lý xúc tiến, quảng bá du lịch	Chuyên viên
31.	Chuyên viên về quản lý báo chí	Chuyên viên
32.	Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình	Chuyên viên
33.	Chuyên viên về quản lý thông tin, điện tử	Chuyên viên
34.	Chuyên viên về quản lý thông tin, đối ngoại	Chuyên viên
35.	Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở	Chuyên viên
36.	Chuyên viên về quản lý xuất bản	Chuyên viên
37.	Chuyên viên về quản lý in	Chuyên viên
38.	Chuyên viên về quản lý phát hành	Chuyên viên
39.	Chuyên viên về quản lý bưu chính	Chuyên viên

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
40.	Chuyên viên về quản lý viễn thông	Chuyên viên
41.	Chuyên viên về quản lý tần số vô tuyến điện	Chuyên viên
42.	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin	Chuyên viên
43.	Chuyên viên về quản lý giao dịch điện tử	Chuyên viên
44.	Chuyên viên về quản lý an toàn thông tin mạng	Chuyên viên
Đ	Lĩnh vực Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc	
45.	Chuyên viên về lao động tiền lương	Chuyên viên
46.	Chuyên viên về bảo hiểm xã hội	Chuyên viên
47.	Chuyên viên về bình đẳng giới	Chuyên viên
48.	Chuyên viên về an toàn vệ sinh lao động	Chuyên viên
49.	Chuyên viên về người có công	Chuyên viên
50.	Chuyên viên về phòng chống tệ nạn xã hội	Chuyên viên
51.	Chuyên viên về việc làm	Chuyên viên
52.	Chuyên viên về bảo trợ xã hội	Chuyên viên
53.	Chuyên viên về giảm nghèo	Chuyên viên
54.	Chuyên viên về trẻ em	Chuyên viên
55.	Chuyên viên về cơ sở vật chất và thiết bị	Chuyên viên
56.	Chuyên viên về đào tạo (gồm đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên)	Chuyên viên
57.	Chuyên viên về công tác học sinh, sinh viên	Chuyên viên
58.	Chuyên viên về quản lý kỹ năng nghề	Chuyên viên
59.	Chuyên viên về nhà giáo giáo dục nghề nghiệp	Chuyên viên
60.	Chuyên viên về kiểm định và bảo đảm chất lượng	Chuyên viên

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
	giáo dục nghề nghiệp	
61.	Chuyên viên về công tác dân tộc	Chuyên viên
VI	Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường	
62.	Chuyên viên về khoáng sản	Chuyên viên
63.	Chuyên viên về đo đạc và bản đồ	Chuyên viên
64.	Chuyên viên về quản lý đất đai	Chuyên viên
65.	Chuyên viên về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Chuyên viên
66.	Chuyên viên về môi trường	Chuyên viên
67.	Chuyên viên về biến đổi khí hậu	Chuyên viên
68.	Chuyên viên về tài nguyên nước	Chuyên viên
VII	Lĩnh vực Kinh tế - Hạ tầng	
69.	Chuyên viên về quản lý thương mại trong nước	Chuyên viên
70.	Chuyên viên về quản lý công nghiệp	Chuyên viên
71.	Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông	Chuyên viên
72.	Chuyên viên về an ninh an toàn giao thông	Chuyên viên
73.	Chuyên viên về quản lý vận tải (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)	Chuyên viên
74.	Chuyên viên Quản lý quy hoạch xây dựng	Chuyên viên
75.	Chuyên viên Quản lý kiến trúc	Chuyên viên
76.	Chuyên viên Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên
77.	Chuyên viên Quản lý phát triển đô thị	Chuyên viên
78.	Chuyên viên Quản lý Hạ tầng kỹ thuật	Chuyên viên
79.	Chuyên viên Quản lý Nhà ở	Chuyên viên

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
80.	Chuyên viên Quản lý Công sở	Chuyên viên
81.	Chuyên viên Quản lý vật liệu xây dựng	Chuyên viên
82.	Chuyên viên về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Chuyên viên
83.	Chuyên viên về phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	Chuyên viên
84.	Chuyên viên về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hóa	Chuyên viên
85.	Chuyên viên về quản lý đánh giá hợp chuẩn và hợp quy	Chuyên viên
86.	Chuyên viên về quản lý hoạt động đo lường	Chuyên viên
VIII	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo	
87.	Chuyên viên về quản lý chương trình giáo dục	Chuyên viên
88.	Chuyên viên về quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục	Chuyên viên
89.	Chuyên viên về quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	Chuyên viên
90.	Chuyên viên về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục	Chuyên viên
91.	Chuyên viên về quản lý chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục (bao gồm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục)	Chuyên viên
92.	Chuyên viên về quản lý người học (bao gồm cả tuyển sinh đào tạo; chính sách và các hoạt động hỗ trợ đối với người học)	Chuyên viên
93.	Chuyên viên về quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ	Chuyên viên
IX	Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch	
94.	Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách	Chuyên viên

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
95.	Chuyên viên về quản lý quy hoạch	Chuyên viên
96.	Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp	Chuyên viên
97.	Chuyên viên về quản lý đầu tư	Chuyên viên
98.	Chuyên viên về quản lý kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác	Chuyên viên
99.	Chuyên viên về quản lý kinh tế đối ngoại	Chuyên viên
100.	Chuyên viên về quản lý đấu thầu	Chuyên viên
101.	Chuyên viên về quản lý doanh nghiệp	Chuyên viên
102.	Chuyên viên về quản lý giá	Chuyên viên
103.	Chuyên viên về quản lý tài sản công	Chuyên viên
X	Lĩnh vực Thanh tra	
104.	Thanh tra viên về công tác thanh tra	Thanh tra viên
105.	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên
106.	Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn	Thanh tra viên
107.	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên
108.	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Thanh tra viên
109.	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên
110.	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.	Chuyên viên
111.	Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra viên
XI	Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
112.	Chuyên viên về quản lý trồng trọt, bảo vệ thực vật	Chuyên viên
113.	Chuyên viên về quản lý chăn nuôi, thú y	Chuyên viên
114.	Chuyên viên về quản lý thủy sản	Chuyên viên

STT	Tên vị trí việc làm	Tương ứng ngạch công chức
115.	Chuyên viên về quản lý lâm nghiệp	Chuyên viên
116.	Chuyên viên về quản lý thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai và nước sạch nông thôn	Chuyên viên
117.	Chuyên viên về phát triển nông thôn	Chuyên viên
118.	Chuyên viên về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	Chuyên viên
E	Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	
1.	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
2.	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
3.	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên
4.	Văn thư viên	Văn Thư viên
5.	Kế toán viên	Kế toán viên
6.	Kế toán viên trung cấp	Kế toán viên trung cấp
7.	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp
8.	Cán sự về lưu trữ	Cán sự
9.	Nhân viên về thủ quỹ	Nhân viên